



KINH NGHIỆM DẠY HỌC THEO DỰ ÁN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI

ThS. LÊ VĂN HỒNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Đặt vấn đề

Đến nay, dạy học theo dự án (DHTDA) đã có một vị trí và vai trò quan trọng trong dạy học (DH). Nhiều nơi còn xem DHTDA như những dự án quốc gia trong công cuộc đổi mới phương pháp DH ở đại học. Hiện nay, phương pháp này đã được tổ chức có hiệu quả cao ở nhiều khoa của các trường. Các môn Kỹ thuật Điện, Điện tử, Tự động hoá, Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh... và đặc biệt là Kiến trúc, Y - Dược học đã sử dụng DHTDA. Từ thực tiễn tổ chức DHTDA trong DH cho chúng ta thấy nguồn tài liệu ngày càng phong phú. Sự khái quát hoá những kinh nghiệm đa dạng từ thực tiễn đã góp phần củng cố phương pháp luận cho quá trình tiếp tục tổ chức triển khai phương pháp này vào giảng dạy tại các khoa ở đại học, đặc biệt là ở các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển.

Trong khuôn bài viết, chúng tôi đưa ra kinh nghiệm tổ chức DHTDA của ba trường đại học đã triển khai ứng dụng thành công phương pháp DH này: Trường Đại học Newcastle Anh; Trường Đại học University College London; Trường Đại học Công nghệ Curtin Úc.

1. Kinh nghiệm dạy học theo dự án ở Trường Đại học Newcastle

Trường Đại học Newcastle là cơ sở đào tạo và nghiên cứu lớn nhất vùng Đông bắc nước Anh [5]. Những năm qua nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp dạy học, là một trong những trường tiên phong triển khai phương pháp DHTDA cho sinh viên (SV) bậc Đại học và thu được nhiều thành công rực rỡ.

Sau đây là ví dụ điển hình về việc triển khai DHTDA một số học phần Kỹ thuật Điện - Điện tử: Tên dự án là "**Thiết kế và chế tạo**". Mục đích lựa chọn học phần này là Trường Đại học Newcastle muốn cung cấp một bài tập lớn về việc thiết kế/xây dựng/chế tạo/sản xuất một thiết bị về sản sinh năng lượng công suất nhỏ (dùng được) với chi phí thấp là động lực để các SV tích cực tham gia. Các bài tập cũng đòi hỏi chi phí xây dựng tối thiểu hoặc yêu cầu thiết bị bổ sung, từ đó cung cấp một mô hình có tính chuyển giao tương đối.

1.1. Tổng quan về chương trình

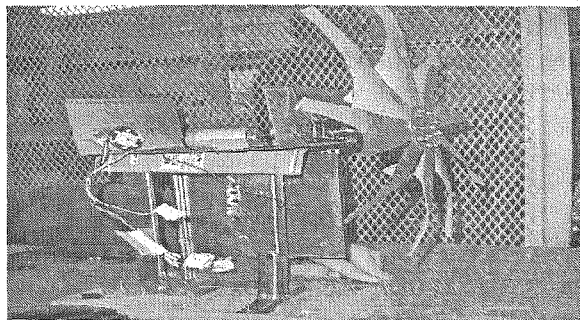
Thiết kế và sản xuất là một mô-đun 15 tín chỉ bắt buộc đối với SV năm thứ hai khoa Cơ khí tại Đại học Newcastle, thời gian thực hiện dự án kéo dài trong 2 học kì. Các mô-đun đã được phát triển và cải

tiến trong 4 năm qua, và đã có những phản hồi rất tích cực từ các SV tham gia. Trong học kì đầu tiên, các nhóm SV được yêu cầu phải thiết kế và xây dựng một tua-bin gió công suất nhỏ (dùng cho hộ gia đình) chỉ sử dụng các bộ phận từ một máy tính và máy in cũ (không dùng được nữa). Trong học kì hai, mỗi nhóm được cấp một khoản ngân sách nhỏ và được yêu cầu cải thiện và phát triển các thiết kế của họ. Trên thời gian biểu, mô-đun này gồm 4 giờ cố định mỗi tuần (mỗi buổi học bao gồm một giờ giảng lí thuyết và ba giờ thiết kế thực tế).

Việc lựa chọn dự án được gợi mở trong một bài giảng theo phương pháp truyền thống, để giới thiệu cho SV về bối cảnh khan hiếm năng lượng và phải tìm các nguồn năng lượng thay thế. SV làm việc theo nhóm khoảng 7 người, sau đó được giao một bản hướng dẫn để thiết kế/xây dựng một thiết bị sản xuất năng lượng trong nhà chỉ sử dụng các bộ phận từ một máy tính và máy in thừa bỏ đi đã được cung cấp. Nhóm được phát một bộ công cụ cầm tay, cũng như có thể tiếp cận với hỗ trợ kĩ thuật để sản xuất bất kì chi tiết kĩ thuật phức tạp nào. Vào cuối học kì, sản lượng điện từ các tua-bin được thử nghiệm tại ba tốc độ gió đã được định trước.

Trong học kì thứ hai, mỗi nhóm được cấp một ngân sách tối đa là £100 và được giao nhiệm vụ có tính gợi mở để cải thiện động cơ tua-bin của họ "theo cách đạt hiệu quả cao với chi phí ít nhất có thể". Thiết kế cuối cùng được thử nghiệm về sản lượng điện cho mỗi bảng Anh đã tiêu. Hầu hết, các nhóm tận dụng cơ hội này để tái thiết kế đáng kể lại động cơ tua-bin của họ, dựa trên những quan sát và kinh nghiệm của họ trong học kì một.

Hình 1: Sản phẩm dự án học tập số 1 - Tua-bin gió đã làm được trong học kì 1



1.2. Kết quả học tập và đánh giá

Kết quả học tập được xác định cho các mô-đun bao gồm:

- Đánh giá này dựa vào các ràng buộc về môi trường, sự an toàn và tính bền vững;
- Hiểu biết về nguyên lí kĩ thuật và khả năng áp dụng chúng để phân tích các quy trình kĩ thuật quan trọng;
- Đảm bảo thoả mãn các mục đích: Sản xuất, hoạt động, bảo trì và xử lí sự cố;
- Khả năng xác định, phân loại và mô tả các hoạt động của hệ thống và các thành phần thông qua sử dụng các phương pháp phân tích và kĩ thuật dựng mô hình;
- Kĩ năng sử dụng phần mềm máy tính có liên quan đến cơ khí và các ngành kĩ thuật có liên quan để giải quyết vấn đề kĩ thuật.

Để duy trì sự tham gia tích cực của SV, mức độ quan trọng của việc đánh giá cá nhân và nhóm được thực hiện trong các mô-đun, như tóm tắt dưới đây:

- Bài tiểu luận của nhóm về "Lí thuyết tua-bin gió" phải nộp trong tuần đầu tiên;
- Cuối học kì 1, mỗi nhóm được đánh giá trên 4 lĩnh vực: Sản lượng điện của tua-bin, thiết kế/xây dựng chất lượng của tua-bin dựa trên kiểm tra bằng mắt bởi các giảng viên giám sát, một báo cáo sơ bộ hai trang phác thảo bài tập thiết kế/xây dựng và một bài thuyết trình nhóm cuối cùng;

- Cuối học kì 2, mỗi nhóm được đánh giá trong 3 lĩnh vực: Sản lượng điện của tua-bin trên mỗi bảng đã chi, chất lượng thiết kế/xây dựng của tua-bin, và một báo cáo cuối cùng với bản vẽ kĩ thuật hoặc dưới hình thức một đoạn video hoặc tài liệu giấy khoảng 3000 từ;

- Mỗi nhóm phải nộp 7 báo cáo tiến độ hàng tuần, từng thành viên trong nhóm chịu trách nhiệm cho một báo cáo trên;

- Tất cả SV giữ một nhật kí trong suốt quá trình thực hiện dự án có ghi chép cụ thể kể cả các ý kiến của từng cá nhân trong nhóm.

Trong suốt dự án, SV được khuyến khích suy nghĩ về việc học tập và phát triển tư duy của mình như một kĩ sư. Chẳng hạn, trong các báo cáo cập nhật hàng tuần, SV được yêu cầu nhận xét về sự phát triển tư duy của mình so với kết quả học tập cho các mô-đun mà mình đạt được (nhằm kiểm tra xem giữa kết quả đạt được và năng lực thực tế có tiệm cận với nhau không).

1.3. Thông tin vận hành dự án

- Quy mô: Tổng số là 94 SV tham gia mô-đun trong năm học (2009 - 2010), làm việc theo nhóm khoảng 7 người;

- Nguồn lực: Các máy tính và máy in không dùng tới có nguồn gốc rõ ràng, miễn phí. Ngân sách cho

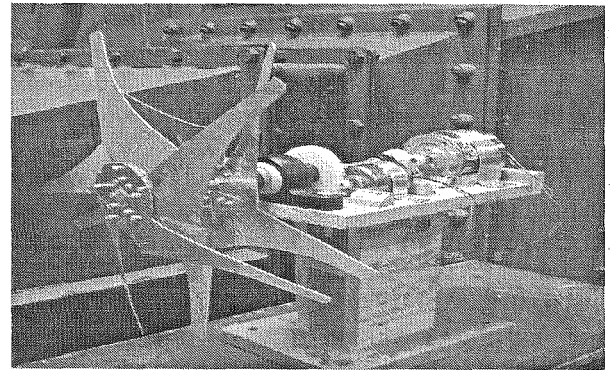
học kì 2 là £100 cho mỗi nhóm - tổng khoảng £1400. Chi phí bổ sung bao gồm bộ dụng cụ cầm tay cho mỗi nhóm, được tái sử dụng mỗi năm;

- Phân công nhân sự: Ba giảng viên giám sát các buổi học trong thời khóa biểu, với sự hỗ trợ bổ sung từ 2 kĩ thuật viên trong 3 giờ thực hành và trong quá trình sản xuất bất kì chi tiết cụ thể nào mà người học không thể sản xuất được bằng công cụ cầm tay;

- Chuyển giao: Dự án học tập này có chi phí xây dựng và vận hành thấp, nên dễ dàng phục vụ một số lượng SV tương đối lớn. Ba yêu cầu bổ sung là: Tiếp cận được ống thông gió, có không gian để làm việc thực tế và hỗ trợ kĩ thuật;

- Các vấn đề khác như sự giám sát và đánh giá của giảng viên là tương đối cao.

Hình 2: Sản phẩm dự án học tập số 1 - Tua-bin gió đã hoàn thành ở học kì 2



2. Kinh nghiệm dạy học theo dự án ở Trường Đại học University College London

Trường Đại học University College London là một trường danh tiếng thế giới, có bề dài lịch sử và truyền thống về vang [6]. Trường đã luôn quan tâm đổi mới phương pháp dạy và học sao cho người học đạt kết quả tốt nhất. Trường cũng là một trong những cơ sở đào tạo đại học triển khai phương pháp DHTDA và đã thu được nhiều thành công.

Ví dụ như trong lĩnh vực Kĩ thuật Điện tử sau đây: Tên dự án là "*Máy thu thanh bán dẫn cầm tay*" (Transistor Radio Kit), Khoa Kĩ thuật Điện - Điện tử. Đây là một dự án học tập có tính điển hình cho phương pháp DHTDA và đã triển khai có hiệu quả tại Khoa Kĩ thuật Điện - Điện tử ở Trường Đại học University College London.

2.1. Tổng quan về chương trình

DHTDA đã được áp dụng cho một số mô-đun năm thứ nhất và thứ ba trong chương trình đại học tại Khoa Kĩ thuật Điện - Điện tử của Trường Đại học University College London. Các dự án PjBL/PBL chuyên sâu thường thấy trong năm học nhập môn đầu tiên hoặc trong năm cuối cùng của chương trình giảng dạy.



Gần đây, năm đầu tiên của chương trình Kỹ thuật Điện - Điện tử đã được tái cấu trúc với chu kỳ 5 tuần, hoặc làm việc trọn vẹn trong một tuần. Theo đó, các nhóm được cung cấp một bản hướng dẫn về các vấn đề cần nghiên cứu thường liên quan đến một yếu tố thực hành, chẳng hạn như xây dựng một hệ thống phần mềm nhận dạng ở sân bay hoặc tham gia một cuộc thi về sáng tạo công nghệ.

Ví dụ bản hướng dẫn mô tả dự án về việc thiết kế/xây dựng một bộ Máy thu thanh bán dẫn cho trẻ em các nước đang phát triển. Nhóm được cung cấp bản hướng dẫn này vào buổi sáng đầu tiên của bài tập và kéo dài một tuần, từ đó họ phải thiết kế/xây dựng một kế hoạch làm việc:

"Bạn làm việc cho một hãng tư vấn thiết kế thiết bị điện tử có trụ sở tại London. Họ yêu cầu bạn thiết kế một Máy thu thanh, bạn có thể chế tạo được với các nguồn tài nguyên đơn giản (mà hãng có thể đã có sẵn). Sản phẩm phải là một dự án vui, lí thú để cho nhóm chế tạo, nhưng cuối cùng cũng phải cung cấp cho hãng một Máy thu thanh chắc chắn để họ thực sự có thể sử dụng được".

Cùng với nhiệm vụ trên, nhóm cũng được cho biết một số những ràng buộc nhất định. Ví dụ, Máy thu thanh không được đòi hỏi các trang thiết bị chuyên biệt (đa số linh kiện là phải tận dụng từ những cái có sẵn hoặc tự tạo), thiết kế phải đảm bảo khả năng tương thích với các nguồn năng lượng thay thế cũng như năng lượng pin, và sản phẩm cuối cùng là Máy thu thanh phải thu được các tần số ở những vùng nông thôn xa xôi.

Sau khi nhận dự án học tập, nhóm phải phân công rõ vai trò của mỗi thành viên và xác định một kế hoạch làm việc trong tuần. Mặc dù các nhóm làm việc phần lớn là độc lập, nhưng khoa vẫn có các buổi giải đáp thắc mắc được lên lịch thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện dự án, và sẽ mở cửa phòng thí nghiệm vào thứ 3 và thứ 5 hàng tuần. Vào buổi chiều cuối cùng, nhóm phải nộp sản phẩm kèm theo hồ sơ dự án học tập (các bản thiết kế, kế hoạch làm việc, video mô phỏng...)

2.2. Thông tin vận hành dự án

- Quy mô: Mô-đun bắt buộc năm đầu tiên được thực hiện bởi một nhóm từ 50 - 70 SV, làm việc theo nhóm, mỗi nhóm khoảng 7 người;

- Nguồn lực: Trải nghiệm được thiết kế xoay quanh các chi tiết kĩ thuật tiêu chuẩn và thiết bị đơn giản có sẵn trong phòng thí nghiệm Kỹ thuật Điện thông thường. Thành phần bổ sung duy nhất được mua cho dự án là cuộn cảm chuyên biệt. Tổng số chi phí xây dựng thấp hơn £50. Do đó, cả chi phí xây dựng và tiến hành sẽ thấp;

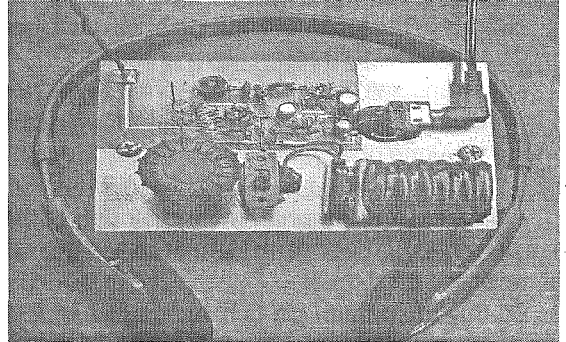
- Bố trí giáo viên: Các mô-đun được quản lí bởi bốn giảng viên, họ sẽ giám sát tất cả các hoạt động

trong quá trình thực hiện dự án;

- Chuyển giao: Dự án học tập này được đánh giá là có tính khả thi cao, chi phí thấp nên khuyến khích sự tham gia của số lượng nhiều SV.

2.3. Kết quả và đánh giá học tập

Hình 3: Sản phẩm của dự án học tập số 2 - Máy thu thanh bán dẫn



Dự án học tập này được đánh giá dựa trên các lĩnh vực sau:

- Tập hợp các tài liệu trình bày trong suốt các mô-đun bài giảng;

- SV học sâu hơn bằng cách áp dụng các khái niệm lí thuyết được giới thiệu trong các bài giảng;

- Tăng cường khả năng ứng dụng kiến thức của SV vào thực tế, thậm chí có thể kêu gọi sự hỗ trợ và sự tham gia của các công ti công nghệ của các hãng sản xuất điện tử;

- Học cách để tiến hành một dự án nghiên cứu/ thiết kế bao gồm cả cách tìm kiếm tài liệu hiệu quả. Đánh giá dự án học tập gồm 3 yếu tố: Một áp phích của nhóm và sản phẩm trưng bày nguyên mẫu, sẽ được trình bày vào chiều ngày cuối cùng. Các áp phích phải thể hiện được yếu tố kĩ thuật, chi phí, tính cải tiến và thực tế của thiết kế; báo cáo cá nhân phải nộp vào tuần tiếp theo sau khi nộp sản phẩm. Mỗi SV được yêu cầu thực hiện một đánh giá về sản phẩm của một nhóm khác và so sánh các sản phẩm này với sản phẩm của nhóm mình. Điểm đánh giá phần này được tính vào điểm của từng cá nhân trong nhóm để đảm bảo rằng SV tham gia đầy đủ các hoạt động thuyết trình giới thiệu của nhóm khác; một nhật kí quan sát cá nhân, cập nhật hàng tuần.

Điểm của cá nhân được tính theo điểm của nhóm cộng với điểm của từng cá nhân trong các hoạt động tham gia kể trên.

3. Kinh nghiệm dạy học theo dựa án ở Trường Đại học Công nghệ Curtin - Úc

Trường Đại học Công nghệ Curtin Úc là một trong những cơ sở đào tạo đại học vận dụng thành công phương pháp DHTDA, đặc biệt là trong lĩnh vực Kỹ thuật Công nghệ và giao tiếp (hợp tác và đấu thầu...) [7].

Một trong những ví dụ điển hình về DHTDA là mô-đun “Principles and Communications” sau: Tên dự án là **Nguyên lí và Giao tiếp “Principles and Communications”**. Mô-đun nhằm mục đích vận dụng những nguyên lí kĩ thuật để thiết kế/xây dựng một sản phẩm kĩ thuật đơn giản và kết hợp giao tiếp, làm việc theo nhóm bước đầu làm quen với kĩ năng nghề nghiệp.

3.1. Tổng quan về chương trình

Nguyên lí & Giao tiếp là một mô-đun bắt buộc 14 tuần cho tất cả 600 SV kĩ thuật năm thứ nhất tại Trường Đại học Công nghệ Curtin. Trải nghiệm này tìm cách giới thiệu cho SV các nguyên lí kĩ thuật và thách thức khi làm việc trong môi trường kĩ thuật thực tế. Cũng như nhiều dự án học tập nhập môn năm đầu tiên, SV được yêu cầu xây dựng các công trình kĩ thuật đơn giản - trong trường hợp này là một cây cầu bằng que kem hoặc một chiếc xe (chế tạo bằng bầy chuột và đĩa CD hỏng). Tuy nhiên, trong mô-đun này các đội sẽ làm theo hình thức giao tiếp chéo, có nghĩa là các đội chỉ thiết kế một trong hai sản phẩm (chiếc xe hoặc cây cầu) và sau đó nộp về khoa. Khoa sẽ tổ chức quản lí đấu thầu, các đội phải tham gia dự thầu nếu trúng thầu sẽ tiến hành thi công. Yêu cầu cơ bản là các xe phải di chuyển tốt trên cây cầu.

Toàn bộ lớp được chia thành hai đội A và B, mỗi đội được chia thành các nhóm 5 người. Các nhóm ở đội A được yêu cầu thiết kế cây cầu trong khi đội B thiết kế chiếc xe. Khi hoàn thành giai đoạn thiết kế, mỗi nhóm được giao các mẫu thiết kế đã hoàn thành từ ba nhóm của đội kia trong lớp và được yêu cầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu cho mỗi công trình. Nói cách khác, những nhóm đã thiết kế cây cầu sẽ đấu thầu để xây dựng chiếc xe và ngược lại. Sau đó gửi hồ sơ dự thầu về cho ban tổ chức (giáo viên của lớp). Trong chấm thầu sẽ có sự ưu tiên về mặt đánh giá của thành viên nhóm thiết kế. Khi trúng thầu các nhóm sẽ tiến hành triển khai xây công trình. Dự án học tập này bao gồm một buổi báo cáo 1,5 giờ và hội thảo phát triển kĩ năng 1 giờ với một cuộc họp sản xuất 1,5 giờ. Thông qua bốn giai đoạn tổng thể dự án: *Giai đoạn thiết kế, giai đoạn đấu thầu, giai đoạn xây dựng, giai đoạn thử nghiệm.*

3.2. Thông tin thực hiện dự án

- Quy mô: Tất cả 600 SV Kĩ thuật năm đầu tiên, những người đăng kí học môn này trong học kì thứ nhất hoặc thứ hai được chia thành 2 nhóm, SV làm việc theo nhóm 5 người;

- Nguồn lực: Chi phí xây dựng và vận hành cho mô-đun này là tương đối thấp vì tận dụng que kem, bầy chuột, các đĩa CD hỏng;

- Bố trí giáo viên: Bốn giảng viên của khoa được phân cho các mô-đun, bao gồm một người chỉ đạo mô-đun, một điều phối viên (người làm việc cho đơn

vị bài học bán thời gian) và 2 giảng viên đóng vai trò là khách hàng cho sản phẩm là những chiếc xe và cây cầu. Hỗ trợ bổ sung bao gồm 6 - 7 trợ giảng cho các cấu phần về giao tiếp truyền đạt của đơn vị bài học, và 6 - 7 nghiên cứu sinh là điều phối viên kĩ thuật cho các nhóm SV;

- Chuyển giao: Dự án học tập này cung cấp một mô hình có tính thực tế cao trong giao tiếp, hợp tác. Phục vụ được số lượng SV lớn với chi phí thấp;

- Các vấn đề khác: Việc giao tiếp và liên lạc giữa các nhóm “thiết kế” và “xây dựng” khác nhau là một phần quan trọng của bài tập này, vì vậy việc bố trí không gian thực hiện dự án thích hợp rất quan trọng. Ngoài ra, việc xử lí/quản lí các tài liệu đấu thầu của nhóm trong 14 tuần sẽ đòi hỏi nỗ lực rất lớn.

3.3. Kết quả học tập và đánh giá

Hình thức đánh giá dự án học tập này là đánh giá quá trình học và tổng kết. Đánh giá quá trình có tỉ trọng điểm bằng với mỗi giai đoạn trong bốn giai đoạn của dự án:

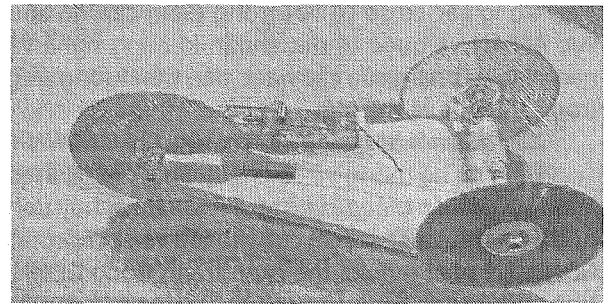
- Giai đoạn 1: Chuẩn bị hồ sơ mời thầu (bản thiết kế của nhóm được chọn ...);

- Giai đoạn 2: Quá trình đấu thầu và điểm thắng thầu;

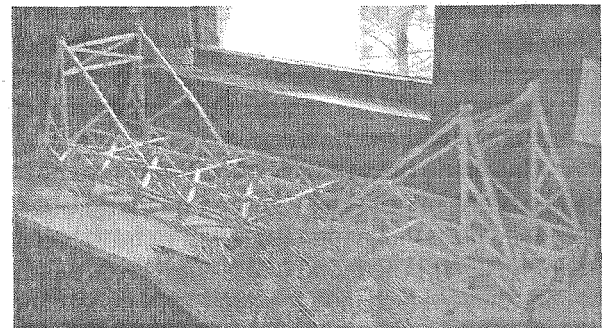
- Giai đoạn 3: Quy trình bàn giao, nhật kí làm việc và báo cáo giám sát thi công;

- Giai đoạn 4: Vận hành thử nghiệm và thuyết trình kèm theo.

Hình 4: Sản phẩm của dự án học tập số 3 - Xe chế tạo từ bầy chuột và đĩa CD



Hình 5: Sản phẩm cuối cùng của dự án học tập số 3 - Cầu bằng que kem





TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Hồng (2006), *Đặc điểm, cấu trúc của dạy học theo dự án và kết quả việc vận dụng vào dạy học môn Kỹ thuật số*, Tạp chí Giáo dục, số 133.
2. Lê Văn Hồng, *Thiết kế các dự án học tập trong tổ chức dạy học theo dự án - học phần Kỹ thuật mạch điện tử cho sinh viên Đại học Sư phạm Kỹ thuật*, Tạp chí Giáo dục số 75, 6/2013.
3. Kilpatrick, W. H. (1927), *School method from the project point of view*, In M. B. Hillegas (Ed.), *The Classroom Teacher* (pp. 203-240), Chicago: Teacher Inc.
4. Chott, P. (1988), *Project des Unterrich – Weinheim*.
5. www.ncl.ac.uk/Newcastle University.
6. www.studylink.com/University College London.
7. www.curtin.edu.au/Curtin University Australia.

SUMMARY

To date, project-based learning has played a key role in teaching and learning process. In many cases, project-based learning is considered as national projects in renovation of teaching method at tertiary level. Generalizing diverse experiences from reality has contributed to improving methodology for continued implementation of this learning method in relevant faculties within universities, especially in developing countries and under-developed countries. In this paper, the author presents key experiences in organizing project-based learning in three universities which have successfully applied this teaching method. These include: British New Castle University, University College London; Curtin University of Technology.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC... (Tiếp theo trang 40)

2.4. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho các cơ sở GDNN

Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí trong các cơ sở GDNN bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu ngành nghề đào tạo, đạt chuẩn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kĩ năng nghề theo hướng đồng bộ với đầu tư tập trung theo từng nghề với từng cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia. Toàn bộ giáo viên trong các cơ sở GDNN trọng điểm quốc gia thuộc các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề phải đạt chuẩn về trình độ đào tạo, kĩ năng nghề và nghiệp vụ sư phạm. Toàn bộ giáo viên trong các cơ sở GDNN trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế đạt chuẩn kĩ năng nghề và năng lực sư phạm của các nước tiên tiến tương ứng trong khu vực và thế giới.

2.5. Đổi mới hệ thống và cơ chế quản lí GDNN

Đổi mới hệ thống và cơ chế quản lí GDNN theo hướng phân cấp triệt để và hợp lí nhằm phát huy tính tự chủ và chịu trách nhiệm của các cấp và các cơ sở GDNN. Để phát huy lợi thế cạnh tranh trong GDNN, Nhà nước cần trao quyền tự chủ cho các cơ sở GDNN. Tuy nhiên, bản thân quyền tự chủ không tạo ra tình thế cạnh tranh nếu không có động lực buộc các cơ sở GDNN phải cạnh tranh. Trong khi đó, các trường công lập chiếm đa số, vốn sống dựa vào ngân sách nhà nước, ít năng động, không quen và cũng không cần cạnh tranh, nay đổi mới tư duy mạnh mẽ mới có thể có động thái cạnh tranh.

Chuyển hệ thống GDNN được bao cấp từ ngân sách của nhà nước là chủ yếu sang hệ thống GDNN huy động được mọi nguồn lực xã hội và trách nhiệm của cộng đồng, là hệ thống GDNN của dân, do dân và vì dân. Khuyến khích mở các cơ sở GDNN ngoài công lập với các thủ tục đơn giản, gọn nhẹ nhất.

Tóm lại: Đổi mới GDNN có tính cấp thiết, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà. Đổi mới GDNN phải được tiến hành một cách đồng bộ trên tất cả các phương diện, từ mục tiêu, nội dung đến mô hình và quản lí nhà nước về GDNN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- [1] Đảng CSVN (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2012), Quyết định số 711/ QĐ -TTg phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*.
- [3] [4] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011), Quyết định số 579/QĐ-TTg *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020*.
- [5] Phan Văn Nhân (2009), *Giáo dục nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

SUMMARY

Vocational education is an organic link within the manpower chain, a place to provide labor force with suitable size, structure and quality, contributing to promoting socio-economic development and creating jobs for laborers. Apart from achievements, vocational education still remains various shortcomings. To address these shortcomings, in author's opinion, vocational education also needs to undergo radical and comprehensive renovation in the following facets: thinking on vocational education; objectives and contents of training programs in vocational education; training models in vocational education; teacher education in vocational education institutions; system and mechanism for vocational education management.